

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-PT

Ngày 22-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phùng Chí Thiện

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Khanh.

Bà Trần Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 31/2021/TLPT-HS ngày 28/7/2021 đối với bị cáo La Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2021/HS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo có kháng cáo:

La Văn T (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 02/9/1990 tại huyện YB, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn TM, xã TN, huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt nam; Con ông La Văn K và bà Vi Thị L; có vợ là Nghiêm Thị Th và có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2021, tạm giam từ ngày 15/01/2021 đến ngày 27/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo La Văn T: Bà Đỗ Thị Lan O, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Ngoài ra còn có các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Lương Văn V không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hồi 15 giờ 40 phút ngày 09/01/2021 Phòng hình sự Công an tỉnh Lào Cai T3 hành kiểm tra hành chính nhà nghỉ VM 1 tại xã LH 2, xã BH huyện BY do La Văn T làm quản lý và trực tiếp làm nhân viên lễ tân.

Quá trình kiểm tra Công an tỉnh Lào Cai bắt quả tang tại tầng 02 phòng trong cùng (không có số hiệu bên ngoài) 01 đôi nam nữ đang mua, bán dâm là Lò Thị T2 - Sinh năm 1998 trú tại xã KO, huyện TU, tỉnh Lai Châu đang bán dâm cho Đặng Phúc Đ - Sinh năm 1991 trú tại xã LT, huyện VY, tỉnh Yên Bái; Tại phòng 401 bắt quả tang 01 đôi nam nữ đang mua, bán dâm là Hà Thị V1 - Sinh năm 1998 trú tại xã KO, huyện TU, tỉnh Lai Châu đang bán dâm cho Phạm Xuân T3 - Sinh năm 1987 trú tại phường NC, thành phố LC. Tại phòng 402 bắt quả tang 01 đôi nam nữ đang mua, bán dâm là Hà Thị Th1 - Sinh năm 1992 trú tại xã MK, huyện TU, tỉnh Lai Châu đang bán dâm cho Nguyễn Văn T4 - Sinh năm 1990 trú tại tổ 15, phường NC, thành phố LC.

Tang vật thu giữ gồm: Thu giữ của La Văn T 660.000 đồng; 01 bản phô tô giấy đăng ký kinh doanh số 120 3000 923/HKD; Thu giữ tại phòng nghỉ cuối tầng hai 02 bao cao su chưa sử dụng; Thu giữ tại phòng 401 gồm 01 bao cao su đã sử dụng và 04 bao cao su chưa sử dụng; Thu giữ 03 bao cao su chưa sử dụng tại phòng 402.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Đầu tháng 5/2020, Lương Văn V đến làm thuê trông quán cà phê LC1 cho Nguyễn Thanh T1 ở bản LH 2, xã BH, huyện BY, được khoảng một tuần thì V phát hiện có nhân viên của quán tên H (không xác định được địa chỉ) tự ý bán dâm cho khách. V nói cho T1 biết việc H tự ý bán dâm cho khách, T1 nói với V và nhân viên quán là cho nhân viên đi bán dâm, giá đi nhanh (theo giờ) là 400.000đ/01 lượt, đi qua đêm là 800.000đ đến 1.500.000đ, T1 và ViệVt sẽ thu $\frac{1}{2}$ số tiền bán dâm để chi tiêu sinh hoạt, còn lại $\frac{1}{2}$ trả cho gái bán dâm. V là người liên hệ, trao đổi với khách mua dâm và thu tiền trực tiếp từ khách mua dâm hoặc từ gái bán dâm, tháng 6/2020 quán của T1 dừng hoạt động do không có nhân viên bán dâm.

Tháng 10/2020 có một người phụ nữ tên Linh (không xác định địa chỉ) đến quán xin T1 làm gái bán dâm, T1 đồng ý và gọi điện cho V đến làm quản lý tại quán và đưa đón gái đi bán dâm. V đồng ý đến làm tại quán được khoảng 03-04 ngày thì có V1, T2 và Th1 đến quán của T1 làm gái bán dâm. Trong thời gian làm cho T1, ViệVt có đến nhà nghỉ VM 1 gặp T, đặt vấn đề với T để thuê phòng cho nhân viên của V bán dâm cho khách. Giá 80.000đ/giờ/phòng, T đồng ý và cho V số điện thoại khi nào có khách V gọi điện để T xếp phòng, việc thu tiền phòng V sẽ thu từ khách mua dâm hoặc gái bán dâm hoặc sẽ do gái bán dâm và khách trực tiếp trả tiền phòng cho T. Vào 15 giờ 00 phút ngày 09/01/2021, khi V đang ở quán LC thì T2 nói với V có khách (tên Đ) gọi điện hỏi mua dâm đang chờ ở nhà nghỉ VM 1, V đồng ý cho T2 bán dâm. Cùng lúc có T3 và T4 đến quán hỏi mua dâm, V đồng ý và thỏa thuận giá tiền phòng, tiền mua dâm với T3 và T4. Sau khi thỏa thuận xong, T3 đưa ViệVt 1.000.000đ, ViệVt bảo Th1 và V1 đi

bộ cùng T3 và T4 đến nhà nghỉ VM 1, để bán dâm. Sau khi Th1, V1 cùng khách mua dâm đi khỏi quán LC1, V dùng xe mô tô Wave BKS 24B2 - 227.96 chở T2 đến nhà nghỉ. Tại đây, V và Đ thỏa thuận giá cả, sau đó Đ đưa cho T 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, T hiểu là tiền Đ đưa trả tiền phòng và trả tiền mua dâm nên cầm tiền, sau đó T đưa cho V 420.000đ, còn T2 cùng Đ đi lên phòng cuối hành lang tầng 2 để mua bán dâm. Tại nhà nghỉ, Th1 và V1 được T xếp phòng 401 và 402. V cũng thanh toán tiền phòng 401, 402 cho T rồi đi về quán LC. Khi Đ, T2, T3, V1, Th1 và T4 đang mua, bán dâm thì bị Phòng hình sự Công an tỉnh Lào Cai bắt quả tang. Tại cơ quan điều tra T1, Việt khai nhận hành vi môi giới mại dâm, T khai nhận hành vi chứa mại dâm

Bản án sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY: Tuyên bố bị cáo La Văn T phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo La Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, khấu trừ cho bị cáo 27 ngày tạm giam, tạm giữ.

Ngày 28/6/2021, bị cáo La Văn T kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 29/8/2021 bị cáo La Văn T kháng cáo bổ sung xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa;

Bị cáo La Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo La Văn T giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 13/2021/HS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY.

Người bào chữa cho bị cáo, bà Đỗ Thị Lan O trình bày quan điểm bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo xuống 02 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về vấn đề này. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T3 hành tố tụng, người T3 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 09/01/2021, mặc dù biết T1, V tổ chức cho V1, Th1, T2 mua, bán dâm tại nhà nghỉ VM 1, Địa chỉ bản LH 2, xã BH, huyện BY (nơi bị cáo T đang làm nhân viên lễ tân và chịu trách nhiệm quản lý nhà nghỉ), bị cáo T vẫn đồng ý và để cho việc mua, bán dâm diễn ra tại nhà nghỉ VM 1, T được Việt trả tiền thuê phòng 80.000 đồng/giờ/phòng.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “*Chứa mại dâm*”. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY xử phạt bị cáo La Văn T về tội “*Chứa mại dâm*” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo.

[3.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Bị cáo La Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong suốt quá trình điều tra, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã không thật sự trung thực khi khai nhận hành vi phạm tội, có biểu hiện che giấu, chối tội. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện BY không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thật thà khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo La Văn T 03 (ba) năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tỏ T2 độ ăn năn hối cải, ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm chứng cứ mới: Ông ngoại của bị cáo là ông Vi Kim Đông được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, đây là những tình tiết mới nên cần chấp nhận. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.2] Đối với kháng cáo xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, xét thấy cùng một lúc bị cáo đã chứa 03 gái mại dâm và 03 người mua dâm, vì vậy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo nên kháng cáo xin hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật

Tổ tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo La Văn T, sửa bản án sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện BY về phần hình phạt như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo La Văn T 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2021 đến ngày 27/01/2021.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo La Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T4 án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- CQTHAHS, CQCSĐT CA H. BY;
- TAND, VKSND H. BY;
- Chi cục THADS H. BY;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Chí Thiện